TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 9 - 2019
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long*: không tham gia phiên tòa*.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019; về tranh chấp: "*ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **L**, sinh năm 1987 (có mặt).

ĐC: ấp N, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị **H**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

ĐC: ấp N, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh L trình bày:

Anh và chị H sau thời gian tìm hiểu quen biết đã đi đến chung sống với nhau như vợ chồng vào khoảng năm 2008, được gia đình hai bên chấp thuận, không tổ chức lễ cưới, không cho tặng nữ trang. Đăng ký kết hôn ngày 18/8/2017 tại UBND xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng về sống tại ấp N, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long, hạnh phúc được khoảng 07 năm; có 03 con chung: V, sinh ngày 29/5/2010, M, sinh ngày 15/10/2015 và N, sinh ngày 30/7/2017. Hiện cháu V và cháu M đang sống

với anh, cháu N đang sống với chị H. Trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung; vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ.

Mâu thuẫn phát sinh dẫn đến ly hôn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, đời sống kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn từ đó vợ chồng thường hay bất hòa, cự cãi nhau đến mức trầm trọng. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng đều không được dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 4/2019 cho đến nay mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị H; anh yêu cầu giải quyết được quyền nuôi 02 con chung là V, sinh ngày 29/5/2010 và M, sinh ngày 15/10/2015, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con; đối với N, sinh ngày 30/7/2017 anh đồng ý để chị H nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con; về quan hệ tài sản: tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 02/8/2019 bị đơn chị H trình bày:* Chị thống nhất với lời trình bày của anh L về thời gian chung sống, không tổ chức lễ cưới, không cho tặng nữ trang, vợ chồng chị có đăng ký kết hôn. Chị và anh L có 03 con chung V sinh ngày 29/5/2010, M sinh ngày 15/10/2015 và N sinh ngày 30/7/2017. Hiện cháu V và cháu M đang sống với anh L, cháu N đang sống với chị. Trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung; không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Chị xác định mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau về kinh tế gia đình, bất đồng quan điểm sống. Hiện vợ chồng không còn tình cảm với nhau; chị đồng ý ly hôn anh L. Về con chung: chị đồng ý để anh L tiếp tục nuôi V sinh ngày 29/5/2010, chị không cấp dưỡng nuôi con; chị yêu cầu được quyền nuôi M, sinh ngày 15/10/2015 và N, sinh ngày 30/7/2017, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2019 cháu V trình bày*: cha cháu tên L, mẹ cháu tên H; cha mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu muốn được sống với cha.

- *Tại phiên tòa*: anh L trình bày nghề nghiệp hiện nay của anh là giết mổ heo, thu nhập bình quân 15.000.000 đồng/tháng, thời gian làm từ 23 giờ 30 phút đêm hôm trước đến 3 giờ 30 phút sáng hôm sau, anh có đủ điều kiện để chăm sóc cháu V và M. Anh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn chị H, chị H có nơi cư trú thuộc huyện Bình Tân nên tranh

chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn chị H tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng chị H vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Hiếu.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh L là có cơ sở. Bởi lẽ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị H là trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh L xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H, anh yêu cầu được ly hôn chị H; mặt khác chị H đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh L được ly hôn chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung:

Cháu V, sinh ngày 29/5/2010: anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi, chị H đồng ý. Xét thỏa thuận của anh L và chị H là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; mặt khác phù hợp với nguyện vọng của cháu V sống với cha. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu V cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

Cháu M, sinh ngày 15/10/2015: anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi; chị H không đồng ý, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi. Xét thấy anh L có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con vì anh L có công việc, nguồn thu nhập ổn định. Mặt khác, từ khi chị H và anh L không còn sống chung, anh L là người trực tiếp nuôi con, điều kiện kinh tế của anh L ổn định, đảm bảo được việc nuôi con, đảm bảo các điều kiện cho sự phát triển về thể chất và các điều kiện khác cho sự phát triển tốt về tinh thần của cháu M. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu M nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh L được trực tiếp nuôi con là phù hợp.

Cháu N, sinh ngày 30/7/2017: chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi, anh L đồng ý. Xét thỏa thuận của anh L và chị H là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên anh L và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về chia tài sản: anh L và chị H tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: anh L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh L và chị H

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung V, sinh ngày 29/5/2010 và M, sinh ngày 15/10/2015 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Giao con chung N, sinh ngày 30/7/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: anh L và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh L và chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: anh L và chị H tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: anh L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* do anh L nộp theo biên lai thu số 0015459 ngày 28/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy anh L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Kim Ngân

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND xã Thành Lợi, H. Bình Tân, T. Vĩnh Long.
- Các đương sự;
- Lưu.